

Bản án số: 02/2021/HS-ST
Ngày 06-4-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC SƠN TỈNH QUẢNG NAM

- Th3 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Văn Điền

Bà Hồ Thị Hồng Hảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thành- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phước Sơn tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Vũ Quang Mẫn- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2020/TLST- HS ngày 30 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST- HS ngày 22 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Lữ Mạnh H; sinh ngày 27/01/1984; tại huyện T, tỉnh P; Nơi cư trú: Khu 5, xã Th, huyện Th, tỉnh P; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lữ Minh H1 (SN: 1957) và bà: Nguyễn Ánh H2 (SN: 1964); có vợ Nguyễn Thị Bảo U (SN: 1994) và 02 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; về nhân Th: Năm 1998, bị Công an xã Thạch Đồng, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xử phạt hành chính về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”, tháng 5/2000, bị Công an xã Hoàng Xá, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xử phạt hành chính về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”, ngày 16/02/2009 bị TAND Quận Thanh Xuân, Th3 phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, ngày 29/9/2020 bị TAND Quận Đống Đa, Th3 phố Hà Nội xử phạt 18 tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”; hiện bị cáo đang chấp hành hình phạt tù của Bản án số: 330/2020/HS-ST ngày 29/9/2020 của TAND

quận Đống Đa, Th3 phố Hà Nội theo Quyết định thi hành án số: 365/2020/QĐ- CA ngày 01/12/2020 của TAND quận Đống Đa, Th3 phố Hà Nội tại Trại giam số 3- Thuộc Cục C10- Bộ Công an, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (25/12/2019), có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Công ty cổ phần xây dựng thương mại A (gọi tắt Công ty A)

Địa chỉ: Số nhà 155 Đường C, thị trấn V, huyện L, tỉnh B.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:

Ông Phạm Minh S- Chức vụ: Giám đốc, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Trọng Th, sinh năm: 1972; Nơi cư trú: Tổ 10, phường Y, Quận C, Th3 phố Hi, vắng mặt.

Nguyễn Hải S1 sinh năm: 1959; Nơi cư trú: số 46, đường Đ, phường L, Quận H, Th3 phố H, vắng mặt.

Phạm C, sinh năm: 1984; Nơi cư trú: thôn P, thị trấn N, huyện D, tỉnh Q, vắng mặt.

Phạm Văn H3 (T), sinh năm: 1971; Nơi cư trú: số 215/1, đường M, phường H, Quận H, Th3 phố Đ, vắng mặt.

Trương Bá T1, sinh năm: 1981; Nơi cư trú: số 83, đường B, phường K, Quận C, Th3 phố Đ, vắng mặt.

Trần Phước Th1 sinh năm: 1988; Nơi cư trú: số 36, đường T, phường H, Quận C, Th3 phố Đ, có mặt.

Nguyễn Xuân B, sinh năm: 1982; Nơi cư trú: Gara B, Quốc lộ 1A, xã X, huyện Q, tỉnh Q, vắng mặt.

Trương Quốc Th2, sinh năm: 1980; Nơi cư trú: thôn Th, xã T, huyện S, tỉnh Q, vắng mặt.

Nguyễn Duy T2, sinh năm: 1984; Nơi cư trú: thôn 1, xã Q, huyện Q, tỉnh Q, vắng mặt.

Nguyễn Thị Bảo U, sinh năm: 1994; Nơi cư trú: thôn H, xã L, huyện P, tỉnh T, vắng mặt.

Phạm Thị H4, sinh năm: 1968; Nơi cư trú: thôn 4, xã Ph, huyện P, tỉnh Q, có mặt.

Đoàn Văn V, sinh năm: 1994; Nơi cư trú: số 38, đường H, phường H, Quận C, Th3 phố Đ, có mặt.

- *Người làm chứng:*

Đỗ Văn Th3, sinh năm: 1968; Nơi cư trú: Công ty N- thôn 4, xã Ph, huyện P, tỉnh Q, vắng mặt.

Phạm Văn Q, sinh năm: 1967; Nơi cư trú: Công ty cổ phần đầu tư và du lịch M- thôn 4, xã Ph, huyện P, tỉnh Q, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29/01/2018, Công ty cổ phần đầu tư và du lịch M (viết tắt Công ty M- đại diện Công ty ông Nguyễn Hải S1) ký Hợp đồng với Công ty A thuê máy đào hiệu Komatsu PC-360LC-5 để hoạt động khai thác vàng tại thôn 4, xã Phước Hiệp, huyện Phước Sơn tỉnh Quảng Nam. Quá trình hoạt động, khai thác vàng không đạt hiệu quả, máy đào bị hư hỏng nên Công ty M chưa thanh toán tiền thuê máy đào cho Công ty A theo hợp đồng. Vì vậy, đầu năm 2019, Công ty A đề nghị Công ty M trả lại máy đào. Sau khi trao đổi thì Nguyễn Trọng Th (đại diện Công ty A) và Nguyễn Hải S1 đã đồng ý giao máy đào (lúc này máy đào đang bị hư hỏng để tại bãi vàng thôn 4, xã Phước Hiệp, huyện Phước Sơn động cơ đã được tháo rời gửi về Đà Nẵng) cho Lữ Mạnh H (H làm việc cho ông Nguyễn Hải S1 và gọi ông S1 là bố nuôi) để sửa chữa, sau khi sửa chữa, lắp ráp xong sẽ chuyển máy đào xuống Đà Nẵng để trả lại cho Công ty A. Ông Nguyễn Trọng Th khi nhận xe máy đào sẽ trả tiền sửa chữa và tiền công cho Lữ Mạnh H. Tuy nhiên, sau khi nhận được động cơ của máy đào để sửa, H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt để bán lấy tiền. H thỏa thuận bán máy đào cho Phạm Văn H3 và Trương Bá T1 với giá 270.000.000 đồng, H nói máy đào là tài sản của gia đình H do làm vàng thua lỗ nên bán. Chi phí sửa chữa, lắp ráp động cơ, vận chuyển máy đào về Đà Nẵng bên ông H3 và ông T1 sẽ chịu trả thay cho H. Sau đó, H3 và T1 tiếp tục môi giới bán máy đào cho ông Nguyễn Xuân B với giá 350.000.000 đồng để kiếm lời tiền chênh lệch. Ông B đồng ý mua máy đào từ ông H3 và ông T1 và ông B đã trả chi phí (sửa chữa, lắp ráp động cơ, tiền nợ của H và cọc cho ông H3 và T1) tổng cộng 121.000.000 đồng. Sau khi sửa xong động cơ máy đào, Nguyễn Xuân B giao động cơ cho Trương Bá T1 để mang vào bãi vàng và lắp vào máy đào rồi điều khiển máy đào ra khỏi bãi vàng được khoảng 02km thì về lại Đà Nẵng. Sau đó, Lữ Mạnh H thuê Trương Quốc Th2 (là thợ sửa máy đào tại Đà Nẵng) tiếp tục điều khiển máy đào ra gần đường QL 14E (thôn 4, xã Phước Hiệp). Đến ngày 09/4/2019, Lữ Mạnh H gọi điện nhờ Trần Phước Th1 tìm dịch vụ vận tải

chở máy đào từ huyện Phước S1 về Đà Nẵng bán cho Phạm Văn H3 và Trương Bá T1 như đã thỏa thuận. Trần Phước Th1 đã nhờ người bạn tên Th3 (chưa rõ lai lịch) thuê xe đầu kéo của Phạm C lên huyện Phước S1 để chở máy đào về Đà Nẵng với giá 13.000.000 đồng, Th1 báo lại cho H và H đồng ý. Quá trình Th1 và Th3 đi theo xe đầu kéo vận chuyển máy đào về Đà Nẵng giúp H để bán cho H3 và T1, thì Th1 có mối giới tìm được người mua máy đào là ông Phạm C. H đồng ý và báo giá cho Th1 bán 370.000.000 đồng, nhưng Th1 thương lượng với ông C bán giá 400.000.000 đồng để ăn tiền chênh lệch. Qua trao đổi điện thoại với Th1 và ông Phạm C H thống nhất để Th1 đại diện cho H bán máy đào cho ông C. Ông C làm Hợp đồng mua bán máy đào và giao số tiền 390.000.000 đồng (đã trừ 10.000.000 đồng tiền thuê xe) cho Th1. Th1 lấy 30.000.000 đồng từ số tiền trên rồi chia cho Th3 12.000.000 đồng, số tiền còn lại Th1 bỏ vào túi nilon màu đen rồi cùng Th3 mang về giao cho H tại nhà của Th1 tại Đà Nẵng vào sáng ngày 11/4/2019. Sau khi nhận tiền từ Th1 H cho Th3 5.000.000 đồng rồi cầm số tiền còn lại trong túi nilon màu đen ra khỏi nhà Th1 H chuyển khoản cho Th1 5.000.000 đồng, sau đó thì bỏ trốn.

Tang vật tạm giữ: 01 máy đào hiệu Komatsu PC-360LC-5, màu vàng, số máy: 6D108-14567, số khung: PC360-20087.

Về nguồn gốc máy đào hiệu Komatsu PC-360LC-5 được xác định là của Công ty thương mại và xây dựng T (địa chỉ xã T, huyện S, Thành phố H) bán cho Công ty tư vấn đầu tư và xây dựng H. Sau đó, Công ty H Hợp đồng cho Công ty A thuê máy đào này. Công ty A tiếp tục cho Công ty M thuê máy đào trên để hoạt động khai thác vàng tại thôn 4, xã Phước Hiệp, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Kết luận định giá số: 06/KL- ĐG ngày 20/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Phước Sơn kết luận: Máy đào hiệu Komatsu PC-360LC-5, có giá 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).

Công văn số: 1438/CV- HĐ ngày 22/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự tỉnh Quảng Nam V/v Kết luận định giá tài sản trong tổ tụng hình sự vụ án “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, kết luận: Máy đào hiệu Komatsu PC-360LC-5, có giá tại thời điểm ngày 14/9/2019 là 280.000.000 đồng (*Hai trăm tám mươi triệu đồng*).

Công văn số: 2010/CV-HĐ ngày 29/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự tỉnh Quảng Nam V/v định giá lại tài sản (lần 2) vụ án lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (xe máy đào) xảy ra tại thôn 4, xã Phước Hiệp, huyện Phước S1 giữ ngU kết quả tại Công văn số: 1438/CV- HĐ ngày 22/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự tỉnh Quảng Nam.

Quá trình điều tra, Lữ Mạnh H khai nhận: Vào tháng 4/2019, H được ông Nguyễn Trọng Th và ông Nguyễn Hải S1 đồng ý giao máy đào hiệu Komatsu PC-360LC-5 cho H đi sửa chữa, trả lại cho Công ty A. Lợi dụng việc này, H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt máy đào bán cho người khác để kiếm tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân. H đã trao đổi và thỏa thuận bán máy đào cho Phạm Văn H3 và Trương Bá T1 với giá 270.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình H nhờ Th1 vận chuyển máy đào về bán cho H3 và T1, thì Th1 đã môi giới và H đồng ý để Th1 bán máy đào cho Phạm C với giá 400.000.000 đồng. Sau khi trừ các khoản chi phí và tiền H cho Th1 và Th3, số tiền còn lại khoảng 330.000.000 đồng, H đã trả nợ và tiêu xài hết, lời khai của H phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số: 31/CT-VKS-HS ngày 30 tháng 11 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Sơn tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Lữ Mạnh H tội *“Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”* theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Lữ Mạnh H khai nhận lợi dụng sự tin tưởng của ông Nguyễn Trọng Th và ông Nguyễn Hải S1 giao máy đào cho H đi sửa chữa để trả lại cho chủ sở hữu, H đã đem máy đào bán để lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Phước Th1 khai nhận: Th1 được H nhờ tìm người vận chuyển máy đào từ huyện Phước Sơn về Đà Nẵng. Quá trình vận chuyển máy đào, Th1 đã môi giới và bán máy đào cho ông Phạm C với số tiền là 400.000.000 đồng, số tiền chênh lệch bán máy là 30.000.000 đồng, Th1 chia cho Th3 12.000.000 đồng, còn Th1 18.000.000 đồng. Sau đó, H chuyển khoản cho Th1 5.000.000 đồng. Tổng số tiền Th1 được hưởng lợi từ việc bán máy đào là 23.000.000 đồng. Do H nói với Th1 máy đào là của gia đình H không dùng nữa nên bán, do đó Th1 không biết việc H lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt máy đào.

Đoàn Văn V khai nhận: V đến nhà Th1 chơi và gặp H tại nhà Th1 V không quen biết H, do H nhờ V chở ra Ngân hàng nên V chở, còn việc mua bán máy đào của H, V không biết.

Phạm Thị H4 khai nhận: H4 thường xuyên cung cấp lương thực, thực phẩm cho H và bố nuôi của H là Nguyễn Hải S1. Do H và ông S1 còn nợ tiền của H4, nên khi thấy H cho người vận chuyển máy đào ra khỏi bãi vàng thì bà H4 bắt H phải trả tiền còn nợ cho bà H4 và H đã trả tiền, còn việc H chiếm đoạt máy đào đem đi bán bà H4 không biết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đang bị tạm

giảm đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại nhằm khắc phục hậu quả. Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 56 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lữ Mạnh H từ 05 năm đến 06 năm tù và tổng hợp với hình phạt của bản án số 330/2020/HS-ST ngày 29/9/2020 của TAND quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Về dân sự: Công ty A đã nhận lại máy đào hiệu Komatsu PC-360LC-5 và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập đến.

Đề nghị áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 122, Điều 131, Điều 584; Điều 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Lữ Mạnh H phải có trách nhiệm trả lại cho ông Phạm C số tiền 400.000.000 đồng. Trả lại cho Nguyễn Xuân B số tiền 107.000.000 đồng. Trả lại cho Trương Quốc Th2 số tiền 15.000.000 đồng. Được trừ số tiền 20.000.000 đồng gia đình bị cáo đã nộp để khắc phục hậu quả.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự truy thu số tiền 23.000.000 đồng mà Trần Phước Th1 được hưởng lợi từ việc mua bán máy đào do H chiếm đoạt để sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với người đàn ông tên Th3 được hưởng lợi số tiền là 17.000.000 đồng từ việc mua bán máy đào do H chiếm đoạt. Tuy nhiên, quá trình điều tra chưa xác minh được nhân thân, lai lịch, nên Cơ quan CSĐT tách hồ sơ để xác minh xử lý sau.

Bị cáo đồng ý luận tội của Viện kiểm sát và xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý với luận tội của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phước Sơn tỉnh Quảng Nam, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Sơn Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với quy định của pháp luật; bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Lữ Mạnh H khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ

án, thể hiện: Vì muốn có tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân, Lữ Mạnh H đã lợi dụng sự tin tưởng của Nguyễn Trọng Th và Nguyễn Hải S1 giao máy đào hiệu Komatsu PC-360LC-5 cho H đem đi sửa chữa và trả lại cho chủ sở hữu. Tuy nhiên, H đã bán máy đào cho ông Phạm C để lấy tiền tiêu xài, máy đào hiệu Komatsu PC-360LC-5, có giá trị 280.000.000 đồng (*Hai trăm tám mươi triệu đồng*). Như vậy, hành vi của bị cáo Lữ Mạnh H đã phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Sơn tỉnh Quảng Nam truy tố là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Đánh giá tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo: Vì muốn có tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân, Lữ Mạnh H đã lợi dụng sự tin tưởng của ông Th và ông S1 giao máy đào cho H để đem đi sửa chữa và trả lại cho chủ sở hữu, H đã bán lấy tiền. H không những lừa bán cho một người mà H đã lừa bán cho hai người, nên hành vi của H đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của những người liên quan. Mặt khác, Lữ Mạnh H có nhân Th không tốt, đã hai lần bị xử phạt hành chính về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” và 01 lần bị xử về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Sau khi thực hiện hành vi “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” vào ngày 10/4/2019, ngày 22/12/2019, H lại tiếp tục thực hiện hành vi “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Điều này chứng tỏ H coi thường pháp luật. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm tài sản của người khác mà còn ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn xã hội. Hiện tại bị cáo đang chấp hành hình phạt tù của Bản án hình sự sơ thẩm số: 330/2020/HS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Vì vậy, xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội và áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt chung của hai bản án và buộc bị cáo phải chấp hành.

[4]. *Xét luận tội của Đại diện viện kiểm sát*: Đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo đang bị tạm giam đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại nhằm khắc phục hậu quả qui định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có cơ sở cần được chấp nhận.

[5]. *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Lữ Mạnh H không vi phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo đang bị tạm giam đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại nhằm khắc phục hậu quả. Vì vậy, áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Không xử phạt bổ sung vì bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, phải trả lại số tiền cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[6]. Đối với ông Nguyễn Trọng Th là người đại diện cho Công ty A và ông Nguyễn Hải S1 là người đại diện cho Công ty M đã giao máy đào cho Lữ Mạnh H sửa chữa để trả lại cho Công ty A, H đã lợi dụng sự tin tưởng của ông Th và ông Hải chiếm đoạt và bán máy đào để lấy tiền tiêu xài cá nhân, do đó hành vi của Th và S1 không có dấu hiệu đồng phạm của tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Đối với Trần Phước Th1 là người giúp Lữ Mạnh H giao dịch bán máy đào với ông Phạm C. Tuy nhiên, Th1 không biết máy đào là do H chiếm đoạt của người khác, do đó hành vi của Th1 không có dấu hiệu đồng phạm của tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Đối với Phạm Văn H3, Trương Bá T1 là hai người trung gian mua máy đào hiệu Komatsu PC-360LC-5 từ H cho ông Nguyễn Xuân B. Tuy nhiên, T1 và H3 không biết là do H chiếm đoạt của người khác, do đó hành vi của T1 và H3 không có dấu hiệu của tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Đối với Nguyễn Xuân B là người đồng ý mua máy đào của H qua trung gian Phạm Văn H3, Trương Bá T1. Tuy nhiên, B không biết máy đào là do H chiếm đoạt của người khác. Hơn nữa, việc mua bán máy đào chưa được thực hiện, do đó hành vi của B không có dấu hiệu của tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Đối với Phạm C là người mua máy đào với H. Tuy nhiên, C không biết máy đào là do H chiếm đoạt của người khác, do đó hành vi của C không có dấu hiệu của tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Đối với Nguyễn Duy T2, Trương Quốc Th2 là những người vận chuyển máy đào cho H. Tuy nhiên, những người này không biết xe máy đào là do H chiếm đoạt của người khác, nên không có cơ sở để xử lý trách nhiệm.

Đối với Phạm Thị H4 là người nhận tiền do H trả nợ và Nguyễn Thị Bảo U là vợ của H được H gửi tiền về nuôi con. Tuy nhiên, bà H4 và U không biết số tiền họ được nhận là do H chiếm đoạt máy đào mà có, nên không có cơ sở để xử lý trách nhiệm.

Đối với người đàn ông tên Th3 (không rõ họ tên địa chỉ), quá trình điều tra chưa xác minh được nhân thân, lai lịch, nên Cơ quan CSĐT tách hồ sơ để xác minh sau, do đó Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7]. *Về trách nhiệm dân sự:*

Công ty A đã nhận lại máy đào hiệu Komatsu PC-360LC-5 và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập đến.

Ông Phạm C yêu cầu Lữ Mạnh H trả lại số tiền 400.000.000 đồng mà ông C đã giao cho Th1 khi mua máy đào, để Th1 giao cho H, do hợp đồng mua bán máy

đào giữa ông C và H là trái pháp luật, yêu cầu của ông C là có cơ sở, nên buộc H phải trả lại cho ông C số tiền là 400.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Xuân B đã bỏ ra số tiền 121.000.000 đồng để chi trả các khoản sửa chữa, lắp ráp động cơ, vận chuyển máy đào, tiền đặt cọc cho ông H3 và T1 và trả nợ cho Lữ Mạnh H. Ông B đã nhận lại tiền cọc từ ông T1 14.000.000 đồng. Ông B yêu cầu Lữ Mạnh H trả lại số tiền 107.000.000 đồng là có cơ sở, vì việc mua bán máy đào giữa ông T1, ông H3 và H là trái pháp luật.

Ông Trương Quốc Th2 được H thuê điều khiển máy đào từ bãi vàng ra gần đường QL 14E với giá 15.000.000 đồng, ông Th2 không biết là tài sản do H chiếm đoạt của người khác, nên yêu cầu H trả lại tiền thuê cho Th2 là có cơ sở.

Tại phiên tòa bị cáo Lữ Mạnh H đồng ý sẽ trả lại số tiền cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đối với số tiền mà gia đình bị cáo đã nộp, bị cáo bồi thường cho ông Phạm C.

Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 122; Điều 131; khoản 1 Điều 584; Điều 585; khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Lữ Mạnh H phải có trách nhiệm trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tổng số tiền là 522.000.000 đồng. Được trừ số tiền 20.000.000 đồng mà gia đình bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số 002327 ngày 08/3/2021 của Chi cục thi hành án huyện Phước S1 tỉnh Quảng Nam, bị cáo còn phải bồi thường số tiền là 502.000.000 đồng, trong đó: ông Phạm C số tiền 400.000.000 đồng (được trừ 20.000.000 đồng còn lại 380.000.000 đồng); ông Nguyễn Xuân B số tiền 107.000.000 đồng; ông Trương Quốc Th2 số tiền 15.000.000 đồng.

[8]. *Về xử lý vật chứng:*

Quá trình điều tra Công an huyện Phước S1 đã thu giữ và trả lại cho Công ty A máy đào hiệu Komatsu PC-360LC-5, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Đối với số tiền 23.000.000 đồng mà Trần Phước Th1 được hưởng lợi từ việc môi giới bán máy đào cho H, đây là số tiền thu lợi bất chính từ việc bán máy đào do H chiếm đoạt mà có, nên áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự truy thu để sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với người đàn ông tên Th3 được hưởng lợi số tiền là 17.000.000 đồng từ việc mua bán máy đào do H chiếm đoạt. Tuy nhiên, quá trình điều tra chưa xác minh được nhân thân, lai lịch, nên Cơ quan CSĐT tách hồ sơ để xác minh xử lý sau.

[9]. *Về án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm:* Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điểm a, c Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức

thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lữ Mạnh H phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo:

Lữ Mạnh H: 06 (*sáu*) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 18 (*mười tám*) tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số: 330/2020/HS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 07 (*bảy*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam 25/12/2019.

- *Về trách nhiệm dân sự:*

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 122; Điều 131; khoản 1 Điều 584; Điều 585; khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Lữ Mạnh H phải có trách nhiệm trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tổng số tiền là 522.000.000 đồng (*Năm trăm hai mươi hai triệu đồng*). Được trừ số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) mà gia đình bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số 002327 ngày 08/3/2021 của Chi cục thi hành án huyện Phước Sơn tỉnh Quảng Nam, bị cáo còn phải bồi thường số tiền là 502.000.000 đồng (*Năm trăm lẻ hai triệu đồng*), trong đó: ông Phạm C số tiền là 400.000.000 đồng, được trừ số tiền 20.000.000 đồng còn lại 380.000.000 đồng (*Ba trăm tám mươi triệu đồng*); ông Nguyễn Xuân B số tiền là 107.000.000 đồng (*Một trăm lẻ bảy triệu đồng*); ông Trương Quốc Th2 số tiền là 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền đã tU mà bên phải thi hành án chậm trả thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- *Về xử lý vật chứng:*

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự tuyên truy thu của Trần Phước Th1 số tiền 23.000.000 đồng (*Hai mươi ba triệu đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 24.080.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu không trăm tám mươi ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Nơi nhân:

- Cơ quan tiến hành tố tụng
- Những người tham gia tố tụng
- Sở tư pháp Q.Nam
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN– CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phan Thị Lan